

Tuyển sinh **Thông tin tuyển sinh**

THÔNG TIN TUYỂN SINH

Đề án tuyển sinh Đại học hệ Chính quy năm 2024

13/05/2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT (MÃ: MDA)

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2024

1.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Trên toàn quốc

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

- Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- Điểm các môn thi không nhân hệ số;

Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo học bạ

- Thí sinh tốt nghiệp THPT và kết quả học tập trong 3 học kỳ (Lớp 11, và học kỳ 1 lớp 12). Xét tuyển theo học bạ với các thí sinh đạt hạnh kiểm xếp loại Khá trở lên;
- Tổng điểm trung bình các môn học theo khối thi của 3 học kỳ THPT: lớp 11 và kỳ I lớp 12 đạt từ trở lên.

Phương thức 3 (PT3):

- Xét tuyển thẳng HSG theo kết quả học THPT cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế;

Phương thức 4 (PT4):

- Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn đạt IELTS 4.5 trở lên hoặc TOEFL ITP 4 hoặc TOEFL iBT 53 trở lên và có tổng điểm 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo tổ hợp tuyển của Trường trừ môn thi Tiếng Anh, đạt từ 10 điểm trở lên, trong đó có môn thi Toán;

Phương thức 5 (PT5):

- Sử dụng kết quả đánh giá tư duy của ĐH BKHN

1.4 Chỉ tiêu tuyển sinh đối với tất cả các phương thức:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển			
			Dự kiến	1	2	3	4

I. Công nghệ kỹ thuật

THÔNG TIN TUYỂN SINH

- HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THEO HỌC BẠ ONLINE NĂM 2024
- Thông báo xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) năm 2024
- Đề án tuyển sinh Đại học hệ Chính quy năm 2024
- Đề án tuyển sinh Đại học hệ Chính quy năm 2024(dự kiến)
- Thông báo Kết quả xét tuyển đại học chính quy và thủ tục nhập học năm 2023 (Đợt 2)
- Đề án tuyển sinh Đại học hệ Chính quy năm 2023

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển			
			Dự kiến	1	2	3	4
1	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	60	A00	A06	B00	D07
2	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	40	A00	A01	D01	C01
3	7510601	Quản lý công nghiệp	100	A00	A01	D01	D07
II. Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân							
1	7810105	Du lịch địa chất	30	D01	D10	C04	D07
III. Khoa học tự nhiên							
1	7440229	Quản lý phân tích dữ liệu khoa học trái đất	37	A00	A01	D07	A04
2	7440201	Địa chất học	20	D01	C04	D07	A00
IV. Kiến trúc và xây dựng							
1	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng	30	A00	A01	C04	D01
2	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước	30	A00	A01	C04	D01
3	7580109	Quản lý phát triển đô thị và Bất động sản	50	A00	C04	D01	D10
4	7580201	Kỹ thuật xây dựng	137	A00	A01	D01	C04
5	7580204	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm	81	A00	A01	D01	C04
6	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	86	A00	A01	D01	C04
7	7580302	Quản lý xây dựng	66	A00	A01	D01	C04
V. Kinh doanh và quản lý							
1	7340101	Quản trị kinh doanh	40	A00	A01	D01	D07
2	7340301	Kế toán	40	A00	A01	D01	D07
3	7340201	Tài chính – Ngân hàng	40	A00	A01	D01	D07
VI. Kỹ thuật							
1	7520301	Kỹ thuật hoá học (Chương trình tiên tiến)	30	A00	A01	B00	D07
2	7520502	Kỹ thuật Địa vật lý	37	A00	A01	D07	A04
3	7520604	Kỹ thuật dầu khí	80	A00	A01	D07	D01
4	7520605	Kỹ thuật khí thiên nhiên	30	A00	A01	D07	D01

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển			
			Dự kiến	1	2	3	4
5	7520606	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên	30	A00	A01	D07	D01
6	7520501	Kỹ thuật địa chất	40	A00	A01	C04	D01
7	7520505	Đá quý, đá mỹ nghệ	30	A00	C04	D01	D10
8	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	100	A00	C04	D01	D10
9	7520601	Kỹ Thuật Mỏ	100	A00	A01	D01	C01
10	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	60	A00	D07	B00	A06
11	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	50	A00	A01	D01	C01
12	7520218	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo	30	A00	A01	D01	C01
13	7520201	Kỹ thuật điện	150	A00	A01	D01	C01
14	7520103	Kỹ thuật cơ khí	40	A00	A01	D01	C01
15	7520130	Kỹ thuật Ô tô	40	A00	A01	D01	C01
16	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	50	A00	A01	D01	C01
17	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	40	A00	A01	D01	C01
18	7520320	Kỹ thuật môi trường	50	A00	B00	C04	D01
VII. Máy tính và công nghệ thông tin							
1	7480206	Địa tin học	60	A00	C04	D01	D10
2	7480201	Công nghệ thông tin	60	A00	A01	D01	D07
VIII. Môi trường và bảo vệ môi trường							
1	7850103	Quản lý đất đai	100	A00	C04	D01	A01
2	7850202	An toàn, vệ sinh lao động	50	A00	A01	D01	B00
3	7850101	Quản lý Tài nguyên và môi trường	50	A00	B00	C04	D01
IX. Sức khỏe							
1	7720203	Hóa dược	50	A00	B00	D07	A06
X. Toán và thống kê							
1	7460108	Khoa học dữ liệu	35	A00	A01	D01	D07

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Thí sinh tốt nghiệp THPT, xét đặc cách tốt nghiệp THPT;

- Hạnh kiểm xếp loại Khá trở lên;

1.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Thời gian:

- Đợt 1 theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo
- Đợt 2 sẽ có thông báo sau khi kết thúc đợt 1

- Hình thức nhận hồ sơ:

- Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT;
- Nhận hồ sơ **đăng ký trực tuyến** đối với các phương thức xét khác.

- Điều kiện xét tuyển chung: Xét tuyển từ điểm cao xuống điểm thấp và đảm bảo tiêu chí chất lượng đc đc và Đào tạo quy định; đảm bảo đủ chỉ tiêu đã duyệt.

1.7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển; ...

- Chính sách ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng được thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Ưu tiên thí sinh tại các khu vực Vùng cao, vùng sâu đăng ký vào học tại các ngành Kỹ thuật địa chất học, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Quản lý đất đai, Kỹ thuật mỏ và Kỹ thuật tuyển (Học bổng, chỗ ở, hỗ trợ của doanh nghiệp, việc làm sau ra trường...).

1.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Đơn giá học phí (dự kiến):

- Khối kinh tế: 352 000 đồng/ 1 tín chỉ
- Khối kỹ thuật: 389 000 đồng/ 1 tín chỉ

CÁC BÀI VIẾT KHÁC

Thông báo xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) năm 2024 (13/05/2024)

Đề án tuyển sinh Đại học hệ Chính quy năm 2024(dự kiến) (02/02/2024)

Thông báo Kết quả xét tuyển đại học chính quy và thủ tục nhập học năm 2023 (Đợt 2) (19/09)

Thông báo xét tuyển Đại học Chính quy năm 2023 - Đợt 2 (11/09/2023)

Hướng dẫn Quy trình nhập học trực tiếp đợt 1 năm 2023 cho tân sinh viên K68 (06/09/2023)

Hướng dẫn xác nhận nhập học trực tuyến trên cổng thông tin của bộ GD&ĐT năm 2023 (24/0

Hướng Dẫn Nhập Học Trực Tuyến Năm 2023 (23/08/2023)

Kế Hoạch Và Thủ Tục Nhập Học Đại Học Hệ Chính Quy Năm 2023 Đợt 1 (23/08/2023)

Thông báo điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy đợt 1 năm 2023 (22/08/2023)

Hướng Dẫn Nộp Lệ Phí Đăng Ký Xét Tuyển Đại Học Năm 2023 (31/07/2023)

• LIÊN HỆ

- PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
- Văn phòng: Phòng 203 nhà C12 tầng, Trường Đại học Mở - Địa chất
- Điện thoại: 024.38386214
- Hotline: 0356064282
- Email: phongdaotao@humg.edu.vn

• BỘ PHẬN TUYỂN SINH

- Văn phòng: Phòng 105, Nhà F, Trường Đại học Mở - Địa chất
- Điện thoại: 024.3838 6739
- Hotline 1: 086.840.69.96; Hotline 2: 083.686.22.88
- Fax: 024.38.389.633
- Email: qhccdn@humg.edu.vn

• PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

- Văn phòng: Phòng 302, Tầng 3, nhà C12 tầng, Trường Đại học Mở - Địa chất
- Điện thoại: 024.38386438
- Hotline: 0983211879/0982346770
- Email: daotaosaudaihoc@humg.edu.vn

Vis. today	107
Visits	6 102 441

Bản quyền thuộc về Trường Đại học Mở - Địa chất.

Địa chỉ: Số 18 Phố Viên - phường Đức Thắng - quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 38.38.67.39 | Hotline 1: 086.840.69.96; Hotline 2: 083.686.22.88 Email: qhccdn@humg.edu.vn